

Bản án số: 283/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh N, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thành L, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thanh N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh L phát sinh mâu thuẫn do anh L không quan tâm, lo lắng cho gia đình và thường xuyên đánh chị. Chị N yêu cầu ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2019, đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đối với anh Phạm Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phạm Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh L chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAKN, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không quan tâm, lơ lửng cho gia đình và thường xuyên đánh chị. Anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh L.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của chị N, thấy rằng: Cháu T đang sống chung chị N vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N, thấy rằng: Anh L không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có, anh L không có ý kiến do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng: Anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thanh N, cho chị Trần Thanh N được ly hôn anh Phạm Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2019 cho chị Trần Thanh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Thành L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Phạm Thành L cấp dưỡng cho cháu Phạm Ngọc T mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thanh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001922 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng: Anh Phạm Thành L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

